

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 52/2025/DS-ST

Ngày 27/6/2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: C, đường N, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: C, tổ C, khu C, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2025. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Tiến D, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Do quen biết và tin tưởng ông Dương Tiến D nên bà Trần Thị N nhiều lần đồng ý hỗ trợ cho ông D mượn tiền để bổ sung vốn kinh doanh bất động sản (theo đề nghị của ông D), không tính tiền lãi, số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), bao gồm:

- Ngày 29/12/2018: 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng);
- Ngày 17/4/2019: 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng);
- Ngày 25/4/2019: 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng);

Mỗi lần mượn tiền, ông D đều trực tiếp nhận tiền mặt và viết giấy mượn tiền, ký tên, lấn tay xác nhận.

Bà N nhiều lần yêu cầu ông D trả tiền nhưng đến nay ông D không trả tiền cho bà N bất kỳ khoản tiền nào.

Vì vậy, bà Trần Thị N khởi kiện ông Dương Tiến D theo quy định pháp luật yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Dương Tiến D phải trả cho bà Trần Thị N số tiền gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 05/02/2025 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm.

Theo bản tự khai bị đơn ông Dương Tiến D trình bày:

Ông D có vay tiền của bà Trần Thị N nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 29/12/2018, vay số tiền 400.000.000đ;

Lần 2: Ngày 17/4/2019, vay tiếp số tiền 110.000.000đ;

Lần 3: Ngày 25/4/2019, vay tiếp số tiền 90.000.000đ;

Tổng cộng là 03 lần vay là 600.000.000đ. Các lần vay tiền có làm giấy vay tiền (lần 2 và lần 3 làm chung một giấy vay tiền), ông D có ký tên, ghi họ tên và lấn tay xác nhận. Nay bà N yêu cầu ông D thanh toán số tiền 600.000.000đ và lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 05/02/2025 thì ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông đồng ý thanh toán toàn bộ gốc 600.000.000đ và lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Dương Tiến D thừa nhận có vay tiền của bà Trần Thị N nhiều lần, tổng cộng là 600.000.000đ, có làm giấy vay tiền, ông D có ký tên, ghi họ tên và lấn tay xác nhận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D chưa thanh toán tiền cho bà N. Nay bà N yêu cầu ông D thanh toán số tiền 600.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 05/02/2025 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử vụ kiện theo mức lãi suất quy định 10%/năm, ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn ông Dương Tiến D cư trú tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn ông Dương Tiến D có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Bị đơn ông Dương Tiến D thừa nhận có vay tiền của bà Trần Thị N nhiều lần, tổng cộng là 600.000.000đ, có làm giấy vay tiền, ông D có ký tên, ghi họ tên và lấn tay xác nhận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D chưa thanh toán tiền cho bà N. Nay bà N yêu cầu ông D thanh toán số tiền 600.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 05/02/2025 đến ngày xét xử vụ kiện theo mức lãi suất quy định 10%/năm, ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ và có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 05/02/2025 đến ngày 27/6/2025, bị đơn đồng ý yêu cầu tính lãi của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử tính tiền lãi như sau: $600.000.000đ \times 10\%/12 \times 4 \text{ tháng} + 600.000.000đ \times 10\%/12/30 \times 22 \text{ ngày}$ là 23.667.000đ. Như vậy tổng tiền gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là 623.667.000đ.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N đối với bị đơn ông Dương Tiến D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Dương Tiến D phải thanh toán cho bà Trần Thị N số tiền là 623.667.000đ (sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Trong đó: 600.000.000đ là tiền gốc và 23.667.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) là tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Dương Tiến D phải chịu 28.947.000đ (hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa